TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: *01/2019/HNGĐ-ST*
Ngày: *01/3/2019*
V/v: *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH THUẬN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Kiệt
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Tiêu Thị Xuân
2. Bà Nguyễn Thị Ái Loan

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Dương Minh Thạo – Cán bộ Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phất - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2019 tại phòng xử án của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2019, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:***
Chị Nguyễn Thị Q – Sinh năm: 1993 (có mặt)
Nơi ĐKHKTT và trú tại: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận
**** Bị đơn:***
Anh Bùi Văn H – Sinh năm: 1989 (vắng mặt)
Nơi ĐKHKTT: Thôn Phú Đ, xã Hòa Tây Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Yên
Trú tại: Thôn P, xã N, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 24/9/2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Chị và anh H tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã Hòa Tân Đ, huyện Đông H, tỉnh Phú Yên.

Vợ chồng chị sống chung với nhau bình thường, hạnh phúc. Đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H có gái và dẫn gái về nhà, nhiều lần chị nói nhưng anh H không nghe, từ đây vợ chồng chị bắt đầu rạn nức tình cảm cho đến bây giờ. Hiện nay, thì mạnh ai nấy sống từ cuối tháng 12 năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Bùi Văn H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Nguyễn Duy T – Sinh ngày 02/11/2012. Sau khi ly hôn chị xin được quyền nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Chị Q và anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2018 cũng như trong quá trình hòa giải, bị đơn anh Bùi Văn H trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị Q về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và con chung. Hiện tại, anh vẫn còn thương vợ, thương con không muốn ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận có một con chung tên là Bùi Nguyễn Duy T – Sinh ngày 02/11/2012 như chị Q trình bày.

Về tài sản, nợ chung: Anh khai không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà:

Anh H đã vắng mặt lần thứ hai, chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và được quyền nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Thuận phát biểu: Qúa trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Toà án nhân dân huyện Phú Quý tuân theo đúng pháp luật tố tụng về việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành theo đúng trình tự tố tụng, các đương sự chấp hành tốt quy định pháp luật về tố tụng. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xet xử chấp nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Q có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H. Anh H thường xuyên sinh sống và làm việc (thợ hồ) tại thôn P, xã N, huyện P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 44 quyển số IV/2011 ngày 23/5/2012 do UBND xã Hòa Tân Đ, huyện Đông H, tỉnh Phú Yên cấp thì hôn nhân giữa chị Q và anh H là hợp pháp theo quy định Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá

trình giải quyết, anh H đã được Toà án triệu tập hợp lệ lên toà để hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Tại phiên tòa, anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng anh H đều vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 175, điểm b khoản 02 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q có yêu cầu xin ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống vợ chồng chị Q anh H không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau. Nguyên nhân do anh H có gái bên ngoài trước đây, hay dẫn gái về nhà, nhiều lần chị Q bắt gặp, từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc cho đến bây giờ. Vào cuối năm 2018 thì chị Q và anh H đã sống ly hôn, nhà ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau nữa. Tòa án đã kiên trì hòa giải nhiều lần nhưng không thành, tại phiên tòa anh H đã vắng mặt nhiều lần không có lý do, hơn nữa tại các biên bản xác minh tại địa phương thì vợ chồng chị Q và anh H có mâu thuẫn tồn tại, hiện nay không còn sống chung nữa. Xét thấy, cuộc sống của vợ chồng chị Q anh H không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 01 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q.

Về con chung: Có 01 con tên Bùi Nguyễn Duy T – Sinh ngày 02/11/2012. Sau khi ly hôn, chị Q xin được quyền nuôi, việc này anh H không có ý kiến gì. Xét con chung anh chị đang sống với mẹ từ nhỏ, hiện nay do chị Q đang nuôi dưỡng nên để đảm bảo sinh hoạt ổn định cho trẻ Bùi Nguyễn Duy T, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị Q.

Về tài sản, nợ chung: Chị Q và anh H đều khai không có và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

**** Áp dụng:***

- Khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39; khoản 04 Điều 147; điểm b khoản 02 Điều 227 Bộ luật TTDS 2015;
- Điều 9; khoản 01 Điều 56; Điều 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án năm 2016.

**** Tuyên xử:***

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q.

Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Bùi Văn H.

2/ Về con chung: Giao con chung Mai Duy Quốc H – Sinh ngày 05/6/2014 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Qúy nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; chị Q không được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/*Về tài sản, nợ chung:* Chị Q và anh H đều khai không có và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 0021591 ngày 26/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Chị Q đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 01/3/2019*). Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

<u>Nơi nhận</u>:
- *VKSND huyện P;*
- *Chi cục THA huyện P;*
- *Tòa án tỉnh Bình Thuận;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Hòa Tân Đ*

(để ghi vào sổ hộ tịch);
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Toạ Phiên Toà

Trần Văn Kiệt